

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ- TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 703/2018/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

-Anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Lô B38 Khu định cư Phú H, phường Phú H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

-Chị Khương Thị Hải D, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Lô B38 Khu định cư Phú H, phường Phú H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc A và chị Khương Thị Hải D kết hôn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu 02 năm, được gia đình đồng ý tổ chức cưới 2001 và anh, chị đã đăng ký kết hôn tại UBND phường Phú C, thành phố H ngày 04/4/2001. Sau kết hôn vợ chồng sống tại nhà cha mẹ anh Ngọc A khoảng 6 năm thì chuyển nhà về ở tại Lô B38 Khu định cư Phú H, phường Phú H, thành phố H ở. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian khoảng 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường gây gổ nhau, và không có tiếng nói chung nên vợ chồng ngày càng không hiểu nhau và không còn tình cảm nữa. Do mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được nên anh Ngọc A và chị D cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc A và chị Khương Thị Hải D chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Ph, sinh ngày 05/3/2005 và Nguyễn Minh Nh, sinh ngày 08/11/2011. Nguyên vọng của cháu Ph muốn ở với anh Ngọc A, cháu Nh muốn ở với chị D, nên anh Ngọc A và chị D thỏa thuận giao cháu

Ph cho anh Ngọc A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến thành niên (đủ 18 tuổi); giao cháu Nh cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến thành niên (đủ 18 tuổi). Không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc A và chị Khương Thị Hải Dg xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Ngọc A và chị Khương Thị Hải D mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 22/01/2019), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Ngọc A và chị Khương Thị Hải D

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Ph, sinh ngày 05/3/2005 cho anh Nguyễn Ngọc A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến thành niên (đủ 18 tuổi); giao cháu Nguyễn Minh Nh, sinh ngày 08/11/2011 cho chị Khương Thị Hải D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến thành niên (đủ 18 tuổi). Không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

-Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc A và chị Khương Thị Hải D xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Ngọc A và chị Khương Thị Hải D mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền anh Nguyễn Ngọc A và chị Khương Thị Hải D đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/007575 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm

2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT H;
 - VKSND TP Huế;
 - Chi cục THADS TP H;
 - UBND P Phú Cát, H
- (ĐKKH ngày 04/4/2001);
- Dương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tuyết Linh